TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-3-2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.
- Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn H, xã Gi, xã Gi, tỉnh Ninh Bình.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn Thái S, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Tr có đơn xin vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2023, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kiều Tr trình bày:

Về diễn biến quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị và Anh Nguyễn Thế H kết hôn vào ngày 13/3/2021 trên cơ sở tự nguyện, có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, thường xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần cãi chửi xúc phạm nhau. Do

không chịu được nên tháng 7 năm 2023 chị đã không chung sống với anh Hnữa mà về bên nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn H, xã Gi, xã Gi, tỉnh Ninh Bình sinh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Nguyễn Thế H.

Về con chung: Chị Tr xác định giữa chị và anh H không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Thế H: Tại bản tự khai ngày 24/10/2023, biên bản hòa giải anh có ý kiến như sau: Anh xác định thời điểm kết hôn và chung sống như Chị Tr trình bày là đúng, anh xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn và nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung và do bất đồng quan điểm về kinh tế. Nay Chị Tr xin ly hôn với anh thì anh xin thời gian suy nghĩ và đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho anh có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung: anh xác định không có con chung với chị Tr. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/10/2023, Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết theo quy định. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải lần thứ nhất thì anh Hkhông lên Tòa án làm việc nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là*"Ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Kiều Tr. Xử ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kiều Tr và Anh Nguyễn Thế H.

2. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa Chị Tr và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau về mọi mặt, hai bên đã ly thân thời gian dài, không quan tâm gì đến nhau. Việc anh Hxin thời gian để anh có cơ hội đoàn tụ, cải thiện tình cảm vợ chồng, tuy nhiên anh lại không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Tr với anh H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Hai bên xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết .

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị Kiều Tr ly hôn với Anh Nguyễn Thế H.

2.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị Tr đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000360 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3.Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện N;*
- *Chi cục THADS huyện N;*
- *UBND xã S;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH